TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Minh Lắm
2. Ông Nguyễn Hải Hưng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Giang Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà K, sinh năm 1962;
Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông X, sinh năm 1955;
Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà K và ông X kết hôn vào đầu năm 1986, nhưng không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, bà K cho rằng ông X ghen tuông vô cớ nên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Những lần cự cải nhau là ông X xúc phạm đến danh dự, uy tín của bà, có lần ông X đánh, đuổi bà ra khỏi nhà. Bà đã cố gắng chịu đựng để ông X có cơ hội sửa đổi, nhưng ông X vẫn không sửa đổi. Bà nhận thấy vợ chồng không thể có cuộc sống chung và không còn hạnh phúc, ngày 10 – 7 – 2017 bà K có Đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông X. Con chung gồm: Đ, sinh năm 1987; T, sinh năm 1993; Th, sinh năm 1995; N, sinh năm 2002. Trong 04 người con thì có 03 người con (Đ, T, Th) đã thành niên không bệnh nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng; riêng N chưa thành niên nên tùy theo nguyện vọng của con. Con ở với ai người đó nuôi, ông X, bà K không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Tài sản chung: Bà K, ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia. Nợ chung: Bà K, ông X xác định, không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Hôn nhân*: Bà K và ông X kết hôn vào đầu năm 1986, không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Mặc dù bà K và ông X không đăng ký kết hôn nhưng ông X và bà K kết hôn trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật; theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ giữa bà K và ông X được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng, nay bà K xin ly hôn. Lý do bà K xin ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng chứ không nguyên nhân nào khác.

Tại phiên tòa ông X thừa nhận ông có đánh, xua đuổi bà X ra khỏi nhà nhưng ông cho rằng việc ông đuổi bà X là do ông không đồng ý cho bà K đi làm xa nhưng bà K không nghe theo ý kiến của ông. Ông X và bà K thừa nhận, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cách nay đã hơn 03 năm, mặc dù ông bà vẫn còn sống chung trong một nhà nhưng ông bà đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau đã 03 năm nay. Bà K xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông X không còn. Sự mẫu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc, gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả tốt. Những vấn đề trên đã chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; do đó, Tòa án xét thấy hạnh phúc vợ chồng của bà K và ông X đã không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

[2] *Con chung:* Đ, sinh năm 1987, T, sinh năm 1993, Th, sinh năm 1995 đều đã thành niên không bệnh nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với N, sinh năm 2002 hiện đang sống chung với bà K, nguyện vọng của N là được ở chung với bà K; do đó giao N cho bà K tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng cho con: Bà K không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

[3] *Tài sản chung*: Bà K, ông X không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

[4] *Nợ chung*: Bà K, ông X xác định không.

[5] *Án phí*: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do đó bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: [1] Hôn nhân: Bà K ly hôn với ông X.

[2] Con chung: Đ, sinh năm 1987; T, sinh năm 1993; Th, sinh năm 1995 đều đã thành niên không bệnh nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với N, sinh năm 2002, giao cho bà K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Cấp dưỡng cho con: Không giải quyết trong vụ án này.

[4] Tài sản chung: Không giải quyết trong vụ án này.

[5] Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà K phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0011473 ngày 12 – 7 – 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trịnh Xuân Miễn

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND thị trấn U Minh;
- VKSND huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.